

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Nghị.
2. Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1992 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Trú tại: Tổ X, thôn H, xã I, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Trú tại: VL B, tổ Y, Khối M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Quốc H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không nhớ rõ ngày, tháng, năm; có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào ngày 18/8/2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi xức phạm nhau. Vì con nhỏ chị vẫn chịu đựng chung sống đến tháng 5/2021 đến nay, vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì chị yêu cầu ly hôn anh Trần Quốc H.

- Về con chung: chị và anh Trần Quốc H có 02 con chung tên Trần Lê H1 sinh ngày 18/8/2013 (hiện đang sống với anh H) và Trần Tuấn K sinh ngày 10/5/2017 (hiện đang sống cùng chị). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Tuấn K đến trưởng thành và giao con Trần Lê H1 cho anh Trần Quốc H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành. Hai bên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Quốc H vắng mặt không có lý do: Anh Trần Quốc H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Theo biên bản xác minh ngày 18/6/2021, Công an thị trấn P cung cấp: anh Trần Quốc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại VL B, tổ Y, Khối M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định theo hộ khẩu của cha ruột là ông Trần Văn H2; anh H hiện nay đang có mặt tại ở địa phương; anh H còn thuê nhà bà Nguyễn Thị P tại Tổ N, khối X, thị trấn P, huyện T tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (tuy nhiên có vi phạm về thời hạn thụ lý đơn khởi kiện); nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt); bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ các quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Trần Quốc H. Về con chung: giao con chung là Trần Tuấn K sinh ngày 10/5/2017 cho chị Lê Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành; giao con chung Trần Lê H1 sinh ngày 18/8/2013 cho anh Trần Quốc H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu miễn xét. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: nguyên đơn là chị Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trần Quốc H vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Trần Quốc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào ngày 18/8/2017 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, chị N, anh H chung sống đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vì con nhỏ chị N vẫn chịu đựng chung sống nhưng tình hình không tiến triển. Từ tháng 5/2021 đến nay, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh H có mặt tại địa phương mặc dù Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa là thể hiện không xem trọng cuộc hôn nhân này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị N và anh Trần Quốc H có 02 con chung tên Trần Lê H1 (nam) sinh ngày 18/8/2013 (hiện đang sống với anh H) và Trần Tuấn K (nam) sinh ngày 10/5/2017 (hiện đang sống cùng chị N). Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Tuấn K đến trưởng thành và giao con Trần Lê H1 cho anh Trần Quốc H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con Trần Lê H1 đến trưởng thành. Hai bên không bên nào cấp dưỡng cho bên kia nuôi. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của chị N là đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với nguyện vọng của con chung Trần Lê H1 (được tiếp tục sống cùng cha) và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0006862 ngày 11/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Trần Quốc H.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê H1 (nam), sinh ngày 18/8/2013 cho anh Trần Quốc H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành và giao con chung Trần Tuấn K (nam), sinh ngày 10/5/2017 cho chị Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0006862 ngày 11/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND thị trấn Phú Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam

